TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/KDTM-PT
Ngày 16-8-2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Chum

Các Thẩm phán: Ông Đào Minh Đa

Ông Huỳnh Văn Luật

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Xông - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2023/TLPT-KDTM ngày 05/6/2023 về việc "tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá".

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 10/2023/KDTM-ST ngày 29/3/2023 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) T1, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 29/2023/QĐXXPT-KDTM ngày 12/7/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên (viết tắt TNHH MTV) Sản xuất N, địa chỉ: thửa đất U, tờ bản đồ R, khu phố B, phường K, thành phố T1, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: bà Huỳnh Kim L, sinh năm 1994, địa chỉ: thửa đất U, tờ bản đồ R, khu phố B, phường K, thành phố T1, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 14/7/2023); có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn (viết tắt TNHH) K, địa chỉ: số 47/4A KL, đường V, khu phố K1, phường T2, thành phố T1, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: bà Dương Thị Kim O, sinh năm 2000; địa chỉ: số 132 D1, phường P, thành phố T3, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 01/8/2023); có mặt.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn Công ty TNHH K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Huỳnh Kim L thống nhất trình bày:

Công ty TNHH MTV sản xuất N (gọi tắt là Công ty H) và Công ty TNHH K (gọi tắt là Công ty K) có quan hệ mua bán hàng hóa là chân sắt, ống sắt, miếng sắt...

Tính từ tháng 10/2020 đến tháng 3/2021, Công ty H đã có nhiều đợt giao hàng và xuất 04 hóa đơn cho Công ty K với tổng giá trị là 572.143.453 đồng, trong đó hóa đơn số 0000512 ngày 30/11/2020 là 166.385.683 đồng, hóa đơn số 0000540 ngày 30/12/2020 là 181.594.545 đồng, hóa đơn số 0000614 ngày 31/3/2021 là 134.627.625 đồng, hóa đơn số 0000615 ngày 31/3/2021 là 89.535.600 đồng. Tháng 4 năm 2021, Công ty K thanh toán cho Công ty H số tiền 150.000.000 đồng.

Do Công ty K vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty K phải thanh toán cho Công ty H số tiền nợ gốc 422.143.453 đồng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn – ông Nguyễn Văn H trình bày:

Công ty K đồng ý về số tiền đã thanh toán cho Công ty H, tuy nhiên giữa Công ty K và Công ty H chưa có văn bản xác nhận công nợ, bảng kê công nợ do Công ty H lập có mâu thuẫn, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Huỳnh Kim L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Ngày 22/4/2022, bị đơn đã trả thêm cho nguyên đơn số tiền 66.385.683 đồng; nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ là 355.757.770 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 10/2023/KDTM-ST ngày 29/3/2023 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) T1, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV sản xuất N về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với bị đơn Công ty TNHH K.

Buộc Công ty TNHH K có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH MTV sản xuất N số tiền nợ gốc 355.757.770 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 11/4/2023, bị đơn Công ty TNHH K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Hai bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn trả số tiền 66.385.683 đồng, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 355.757.770 đồng. Việc rút yêu cầu là do nguyên đơn hoàn toàn tự nguyện, do đó Hội đồng xét xử phải đình chỉ nội dung trên nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã không nhận định tại bản án sơ thẩm về phần yêu cầu đã rút và tại quyết định của bản án sơ thẩm không đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút của nguyên đơn là có thiếu sót.

Xét kháng cáo của bị đơn: đối với yêu cầu trả số tiền nợ gốc của nguyên đơn, căn cứ khoản 1 Điều 50 của Luật Thương mại thì bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền hàng theo thỏa thuận. Như vậy, Công ty K đã nhận hàng nhưng không thanh toán tiền hàng là vi phạm thỏa thuận; do đó Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phần nội dung chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty K thanh toán cho Công ty H số tiền nợ gốc 355.757.770 đồng có căn cứ pháp luật; kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm, đồng thời sửa cách tuyên án theo hướng đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của nguyên đơn đã rút tại phiên tòa sơ thẩm số tiền 66.385.683 đồng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn Công ty TNHH MTV Sản xuất Kim H đăng ký thành lập lần đầu ngày 20/10/2015, mã số doanh nghiệp 3702406454; người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị Kim C.

Bị đơn Công ty TNHH K đăng ký thành lập lần đầu ngày 27/3/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 01/3/2022; công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty TNHH một thành viên sang công ty TNHH hai thành viên tại lần đăng ký thay đổi thứ 01 ngày 04/11/2020 và công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty TNHH hai thành viên trở lên sang công ty TNHH một thành viên tại lần đăng ký thay đổi thứ 03 ngày 01/3/2022; mã số doanh nghiệp 3702754797; người đại diện theo pháp luật là bà Giang Diệm L.

Bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm: Hình thức đơn và thời hạn gửi đơn đúng theo quy định tại các Điều: 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét lời khai của hai bên đương sự, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập được, thấy rằng:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu thanh toán tiền hàng hóa là chân sắt, ống sắt, miếng sắt... (hai bên không lập hợp đồng mua bán) với tổng giá trị hàng hóa là 572.143.453 đồng. Nguyên đơn chứng minh bằng các hóa đơn giá trị gia tăng gồm: 0000512 ngày 30/11/2020, 0000540 ngày 30/12/2020, 0000614 ngày 31/3/2021, 0000615 ngày 31/3/2021. Ngày 20/4/2021, bị đơn đã trả thêm cho nguyên đơn 150.000.000 đồng cho hóa đơn 00005400. Ngày 22/4/2022, bị đơn đã trả thêm cho nguyên đơn số tiền 66.385.683 đồng cho hóa đơn 0000512 (theo các chứng từ chuyển tiền từ Công ty Kim H do nguyên đơn nộp ngày 22/3/2023). Do đó, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 66.385.683, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 355.757.770 đồng.

Bị đơn thừa nhận có hoạt động mua bán hàng hóa với Công ty Kim H từ tháng 10/2020 đến tháng 3/2023. Tuy nhiên do hai bên chưa xác nhận công nợ nên bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét nguyên đơn Công ty H và bị đơn Công ty K đều thừa nhận có hoạt động mua bán hàng hóa là chân sắt, miếng sắt, ống sắt… từ tháng 10/2020 đến tháng 3/2023. Mặc dù giữa nguyên đơn và bị đơn không có văn bản đối chiếu công nợ, nguyên đơn cũng không có thông báo đòi bị đơn trả nợ trước khi khởi kiện nhưng bị đơn Công ty K đã chuyển tiền cho Công ty H hai lần, cụ thể: ngày 20/4/2021 chuyển tiền H T12.2020 đợt 1 cho hóa đơn 0000512 số tiền 150.000.000 đồng và ngày 22/4/2022 chuyển tiền H T11.2020 đợt 1 cho hóa đơn 0000540 số tiền 66.385.683 theo hai "Giấy báo có" của Ngân hàng Thương mại C do nguyên đơn nộp ngày 22/3/2023. Nguyên đơn xác định bị đơn còn nợ số tiền 355.757.770 đồng.

Khoản 1 Điều 50 của Luật Thương mại quy định bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền hàng theo thỏa thuận. Như vậy, Công ty K đã nhận hàng nhưng không thanh toán tiền hàng là vi phạm thỏa thuận; do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty K thanh toán cho Công ty H số tiền nợ gốc 355.757.770 đồng.

Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền

66.385.683 đồng nhưng tòa án cấp sơ thẩm không đình chỉ xét xử đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có thiếu sót.

[3] Từ những phân tích nêu trên, nhận thấy kháng cáo của bị đơn không có cơ sở chấp nhận. Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[4] Về án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, Điều 244, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 50 của Luật Thương mại;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH K

Giữ nguyên Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 10/2023/KDTM-ST ngày 29/3/2023 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) T1, tỉnh Bình Dương như sau :

1.1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Sản xuất N đối với bị đơn Công ty TNHH K đối với số tiền 66.385.683 đồng (sáu mươi sáu triệu, ba trăm tám mươi lăm nghìn, sáu trăm tám mươi ba đồng).

1.2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Sản xuất N đối với bị đơn Công ty TNHH K về việc "tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Buộc bị đơn Công ty TNHH K có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty TNHH MTV Sản xuất N số tiền 355.757.770 đồng (ba trăm năm mươi năm triệu, bảy trăm lăm mươi bảy nghìn, bảy trăm bảy mươi đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải trả tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

1.3. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

Bị đơn Công ty TNHH K phải chịu 17.787.889 đồng (mười bảy triệu, bảy trăm tám mươi bảy nghìn, tám trăm tám mươi chín đồng).

Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) T1 trả cho nguyên đơn Công ty TNHH MTV Sản xuất N 10.443.000 đồng (mười triệu, bốn trăm

bốn mươi ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0006398 ngày 26/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) T1, tỉnh Bình Dương.

2. Án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH K phải chịu 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0007597 ngày 24/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T1, tỉnh Bình Dương.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T1;
- TAND thành phố T1;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, Tổ Hành chính Tư pháp; Tòa K.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Đặng Văn Chum